

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/DS-PT.

Ngày: 14-02-2020.

“V/v tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và hủy giá trị pháp lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Thẩm phán: Ông Trần Anh Tuấn và ông Nguyễn Duy Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Minh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 232/2019/TLPT-DS ngày 09 tháng 12 năm 2019, về việc “*Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và hủy giá trị pháp lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2019/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 273/2019/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Diệu H, sinh năm 1988; địa chỉ: Xã U, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Nguyễn Tăng H2, sinh năm 1991; địa chỉ: Đường T1, phường A, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 29/12/2018 - Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H: Ông Lương Thanh V, sinh năm 1979 – Luật sư Văn phòng Luật sư TN, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Đường V3, thị trấn P, huyện G, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

2. Bị đơn:

2.1 Ông Trần Đình K1, sinh năm 1956; bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968; ông Trần Mạnh H3, sinh năm 1990; ông Trần Thiện T2, sinh năm 1992; cùng địa chỉ: Xã U, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của ông K1, ông H3, ông T2: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968; địa chỉ: Xã U, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 30/01/2019 - Có mặt).

2.2 Ông Bùi Tuấn V1, sinh năm 1981; địa chỉ: Đường T3, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông V1: Bà Lê Thị Xuân T4, sinh năm 1957; địa chỉ: Đường T3, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 26/01/2019 - Vắng mặt).

2.3 Ông Lê Văn C, sinh năm 1963; địa chỉ: Đường T3, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Văn phòng Công chứng TN; địa chỉ: Đường T5, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của VP Công chứng TN: Ông Nguyễn Trung S, sinh năm 1983; địa chỉ: Buôn D, phường L1, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

3.2 Bà Đặng Thị N, sinh năm 1988; địa chỉ: Xã I, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

3.3 Ông Lê Trung K2, sinh năm 1960; địa chỉ: Xã U, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông K2: Ông Vũ Trọng T6, sinh năm 1979 – Luật sư Văn phòng Luật sư HĐ, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Đường P1, phường L1, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

3.4 Ông Phan Tiến D1, sinh năm 1990; địa chỉ: Xã U, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

3.5 Ông Vũ Đình V2, sinh năm 1971; địa chỉ: Xã U, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

3.6 Ông Tô Duy Q, sinh năm 1982; địa chỉ: Xã U, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Bà Trần Thị Diệu H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Tăng H2 trình bày:**

Bà Trần Thị Diệu H là con đẻ của ông Trần Đình K1 và bà Nguyễn Thị L. Ngày 13/4/2015 bố mẹ bà là ông K1, bà L được Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 14480 và 14478, tờ bản đồ số 41 với diện tích đất là 394m² và 312m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 084058 và BN 084056 đứng tên hộ ông Trần Đình K1 và bà Nguyễn Thị L. Vị trí thửa đất tại thôn 0, xã U, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Thời gian này trong hộ gia đình bà gồm các thành viên: Ông Trần Đình K1 (chủ hộ), bà Trần Thị L, ông Trần Mạnh H3, ông Trần Thiện T2 và bà Trần Thị Diệu H. Cuối năm 2018 bà H phát hiện ra các thửa đất trên đã được ông K1, bà L, ông H3, và ông T2 lập hợp đồng chuyển nhượng cho ông Bùi Tuấn V1 và ông Lê Văn C nhưng chưa được sự đồng ý của bà. Tuy nhiên, trong hợp đồng chuyển nhượng này lại có tên bà là Trần Thị Diệu H ký, điểm chỉ và đã được Văn phòng Công chứng TN công chứng vào ngày 16/4/2015 theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 3425 và 3428 quyền số 03/2015/TP/CC-SCC/HĐCN. Bà H xác định chữ ký, chữ viết và điểm chỉ vân tay trong hai hợp đồng này không phải của bà, bà H cũng không biết ai là người đã thực hiện việc này, bản thân bà cũng không ủy quyền hay đồng ý cho ai để thực hiện việc này thay bà. Khi các bên thực hiện việc chuyển nhượng thì bà không biết.

Nay nguyên đơn yêu cầu tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do Văn phòng Công chứng TN công chứng số 3425 và 3428 quyền số 03/2015/TP/CC-SCC/HĐCN ngày 16/4/2015 giữa bên chuyển nhượng là ông Trần Đình K1, bà Nguyễn Thị L, ông Trần Mạnh H3 và ông Trần Thiện T2 với bên nhận chuyển nhượng là ông Bùi Tuấn V1 đối với thửa đất 14480 và ông Lê Văn C đối với thửa đất số 14478 vô hiệu. Đối với hậu quả của hợp đồng vô hiệu bà H đề nghị trả lại quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho ông K1, bà L và hủy nội dung cơ sở pháp lý tại phần 4 của Giấy CNQSDĐ số BN 084058 và số BN 084056, tờ bản đồ số 41 với các thửa đất 14480 và 14478 do UBND huyện K cấp ngày 13/4/2015.

**** Bị đơn bà Nguyễn Thị L, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của các đồng bị đơn ông Trần Đình K1, ông Trần Mạnh H3, ông Trần Thiện T2 trình bày:***

Ngày 16/4/2015 tại Văn phòng Công chứng TN bà với chồng bà là ông Trần Đình K1 cùng các con là Trần Mạnh H3, Trần Thiện T2 và Trần Thị Diệu H ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 14480, tờ bản đồ số 41 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 084058 do UBND huyện K cấp ngày 13/4/2015 cho ông Bùi Tuấn V1 và chuyển nhượng thửa đất số 14478, tờ bản đồ số 41 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 084056 do UBND huyện K cấp ngày 13/4/2015 cho ông Lê Văn C. Tuy nhiên, tại thời điểm ký các hợp đồng này đối với các thành viên trong gia đình đều có mặt

nhưng bà Trần Thị Diệu H không có mặt để ký và điểm chỉ vì đi làm ở xa nên bà đã nhờ bà Đặng Thị N, sinh năm 1988 trú tại thôn 0, xã I, huyện K, tỉnh Đắk Lắk là cháu đến để ký và điểm chỉ thay cho bà H. Quá trình thực hiện việc ký thay thì bà H không biết nhưng những người có liên quan đều biết tuy nhiên không có ý kiến gì.

Nay nguyên đơn yêu cầu tuyên bố các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên vô hiệu thì bà L, ông K1, ông H3 và ông T2 đồng ý và yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu theo quy định của pháp luật.

**** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Bùi Tuấn V1 là bà Lê Thị Xuân T4 trình bày:***

Vào ngày 16/4/2015 ông V1 đến Văn phòng Công chứng TN nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà Nguyễn Thị L và ông Trần Đình K1 cùng các con của ông K1, bà L. Ông V1 không biết được những ai bên chuyển nhượng mà chỉ đến làm việc theo hướng dẫn của Văn phòng Công chứng TN. Thời điểm chuyển nhượng hai bên có thống nhất giá chuyển nhượng là 700.000.000 đồng nhưng trong hợp đồng thì thể hiện là 100.000.000 đồng mục đích để giảm tiền nộp thuế. Ông V1 đã giao số tiền 700.000.000 đồng cho bà L và ông K1. Sau đó ông V1 đã nhận đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 084058 đứng tên ông Trần Đình K1 và bà Nguyễn Thị L tại thửa đất số 14480, tờ bản đồ số 41, có diện tích 394m² tại thôn 0, xã U, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Thời điểm nhận chuyển nhượng trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4. Sau khi nhận chuyển nhượng ông V1 chưa sử dụng, cải tạo hay trồng cây trồng gì mới trên diện tích đất này. Do không có nhu cầu sử dụng nên ông V1 đã chuyển nhượng lại cho ông Tô Duy Q với giá là 700.000.000 đồng.

Nay bà Trần Thị Diệu H yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng đã lập ngày 16/4/2015 vô hiệu và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì bà H cho rằng bà không có mặt tại thời điểm công chứng mà người khác đứng thay bà thì ông V1 không biết sự việc này và không đồng ý vì trước đó khi ông V1 nhận chuyển nhượng đất thì hợp đồng đã được công chứng theo quy định của pháp luật, nay ông không có liên quan gì đến thửa đất nói trên nên không có yêu cầu gì và từ chối tham gia tố tụng.

**** Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt thông báo và triệu tập đối với ông Lê Văn C nhưng ông C không tham gia tố tụng. Tại bản trình bày ngày 17/6/2019 của ông C gửi Tòa án có nội dung:***

Ông đã nhận được giấy Tòa án triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với vụ án tranh chấp do bà H khởi kiện nhưng thửa đất số 14478, tờ bản đồ số 41 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 084056 do UBND huyện K cấp ngày 13/4/2015 tại thôn 0, xã U, huyện K, tỉnh Đắk Lắk ông đã chuyển nhượng lại cho người

khác nên ông không còn quyền lợi và nghĩa vụ gì đối với thửa đất này nên không có yêu cầu gì và từ chối tham gia tố tụng, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**** Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng TN là ông Nguyễn Trung S trình bày:***

Ngày 16/4/2015 hộ gia đình bà Nguyễn Thị L và ông Trần Đình K1 đến Văn phòng Công chứng TN tại địa chỉ: Đường T5, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk yêu cầu Văn phòng công chứng 02 hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 084058, thửa đất số 14480, tờ bản đồ số 41, diện tích 394m² và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 084056, thửa đất số 14478, tờ bản đồ số 41, diện tích 312m² đều do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 13/4/2015. Bên chuyển nhượng là hộ gia đình bà L, ông K1; bên nhận chuyển nhượng là các ông Bùi Tuấn V1, ông Lê Văn C thường trú tại đường T3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Khi gia đình bà L, ông K1 đến Văn phòng Công chứng TN yêu cầu công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì Văn phòng Công chứng TN đã thực hiện các thủ tục theo đúng quy định của pháp luật về công chứng và pháp luật có liên quan như yêu cầu hộ gia đình bà L, ông K1 cung cấp các giấy tờ gốc gồm: Chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu gia đình, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bên chuyển nhượng; Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu của bên nhận chuyển nhượng để Công chứng viên đối chiếu các giấy tờ cũng như những người được ký vào hợp đồng chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tiến hành soạn thảo các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Sau khi soạn thảo hợp đồng thư ký giúp việc của Văn phòng Công chứng TN có đưa cho bên chuyển nhượng; bên nhận chuyển nhượng đọc lại hợp đồng rồi 02 bên thống nhất ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trước sự chứng kiến của Công chứng viên và Công chứng viên ký công chứng các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất rồi vào các sổ công chứng 3425 và 3428 quyển số 03/2015/TP/CC-SCC/HĐCN ngày 16/4/2015. Do đó, Văn phòng Công chứng TN xác định việc công chứng là đúng pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với việc các bên ký kết hợp đồng nhưng có sự lừa dối tổ chức hành nghề công chứng thì phải chịu trách nhiệm bồi thường theo quy định.

**** Quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị N trình bày:***

Vào ngày 16/4/2015 bà Nguyễn Thị L có nhờ bà đến Văn phòng Công chứng TN tại đường T5, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để ký vào Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng là ông Trần Đình K1, bà

Nguyễn Thị L, bà Trần Thị Diệu H, ông Trần Mạnh H3 và ông Trần Thiện T2 chuyển nhượng cho bên nhận chuyển nhượng là các ông Bùi Tuấn V1 và ông Lê Văn C thay cho bà Trần Thị Diệu H, vì tại thời điểm ký hợp đồng bà Trần Thị Diệu H đang ở thành phố M không có thời gian về được nên bà L nhờ bà ký thay cho bà H và bà đã thay mặt bà H ký trong các hợp đồng nói trên. Bà H không ủy quyền hay nhờ bà làm việc này. Khi ký thì Công chứng viên có kiểm tra, đối chiếu bà với giấy chứng minh nhân dân nhưng là giấy Chứng minh nhân dân của bà H, vì bà với bà H có năm sinh cùng nhau và có nhiều nét giống nhau. Công chứng viên có nghi ngờ nhưng vẫn cho bà ký vào các hợp đồng nói trên. Trong khi ký thời điểm đó bà không biết là phía bà H có biết hay không và các ông H3, ông T2 và ông V1, ông C đều biết bà thay mặt và ký thay cho bà H nhưng không ai ngăn cản mà đều đồng ý xem như bà là bà H và để bà ký vào các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất chuyển nhượng cho ông V1 và ông C. Việc các bên chuyển nhượng giá bao nhiêu thì bà không biết.

Nay bà Trần Thị Diệu H khởi kiện ông Trần Đình K1, bà Nguyễn Thị L, ông Trần Mạnh H3, ông Trần Thiện T2, ông Bùi Tuấn V1 và ông Lê Văn C về việc yêu cầu tuyên bố các văn bản công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do Văn phòng Công chứng TN công chứng ngày 16/4/2015 mà bà ký, diêm chỉ thay bà H thì bà đồng ý và không có yêu cầu gì.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tô Duy Q trình bày:***

Năm 2017 ông có nhận chuyển nhượng của ông Bùi Tuấn V1 thửa đất số 14480, tờ bản đồ số 41 tại thôn 0, xã U, huyện K, hai bên đã thực hiện ký hợp đồng và đã được công chứng theo quy định. Cuối năm 2018 do không có nhu cầu sử dụng nên ông đã chuyển nhượng lại thửa đất này và toàn bộ tài sản trên đất cho ông Lê Trung K2 theo quy định của pháp luật và ông đã bàn giao tài sản cho ông K2 và ông K2 đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay ông không có quyền lợi gì đối với thửa đất đã chuyển nhượng nên không có yêu cầu gì về việc các bên tranh chấp và từ chối tham gia tố tụng.

**** Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Trung K2 trình bày:***

Tháng 01/2019 ông có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Tô Duy Q với diện tích đất 394m² thuộc thửa đất số 14480, tờ bản đồ số 41 và đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 151641 ngày 07/01/2019 đứng tên ông Lê Trung K2 và ông Phan Tiến D1, đất tọa lạc tại thôn 0, xã U, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Ông Q đã bàn giao đất và tài sản trên đất cho ông. Trên đất là 01 căn nhà xây cấp 4, nền láng xi măng, mái lợp tôn, hiện bà L đang sử dụng mặc dù ông đã thông báo cho bà L chuyển đi để ông sử dụng nhưng bà L vẫn cố tình không thực hiện.

Ngày 26/3/2019 vì không biết việc tranh chấp đất đang được thụ lý giải quyết tại Tòa án đối với thửa đất trên nên ông đã đến tháo dỡ hàng rào cũ đã xây dựng trước đây của ba thửa đất số 14480, 14479, 14478 khoảng 10m phía Bắc cùng với ông Phan Tiến D1. Ông cho rằng ông là người thứ ba ngay tình mua thửa đất trên nên không liên quan và không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông là người thứ ba ngay tình vì khi ông nhận chuyển nhượng đất đã làm các thủ tục đầy đủ theo quy định và được nhà nước có thẩm quyền công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông đề nghị Tòa án hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2019/QĐ-BPKCTT ngày 08/4/2019 để ông thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

****Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Tiến D1 trình bày:***

Tháng 11/2018 ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị N1 có chuyển nhượng cho ông D1 diện tích đất 312m², thửa đất số 14478, tờ bản đồ số 41, tại thôn 0, xã U, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Thửa đất này do ông Trần Đình K1 và bà Nguyễn Thị L chuyển nhượng cho ông C. Khi ông C chuyển nhượng cho ông D1 thì các bên đã tiến hành trình tự thủ tục về việc chuyển nhượng đúng quy định của pháp luật và đã được sở tài nguyên môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 165064 ngày 28/11/2018 đứng tên ông là Phan Tiến D1. Ông D1 là người thứ ba ngay tình mua thửa đất trên nên không liên quan và không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông D1 là người thứ ba ngay tình vì khi nhận chuyển nhượng đất đã làm các thủ tục đầy đủ theo quy định và được nhà nước có thẩm quyền công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

****Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Đình V2 là ông Đoàn Quang H4 trình bày:***

Ngày 04/3/2015 ông Trần Đình K1, bà Nguyễn Thị L đã chuyển nhượng cho ông V2 một phần diện tích đất có chiều ngang 04m, chiều dài là 18,4m nằm trong các thửa đất đang tranh chấp mà bà Trần Thị Diệu H khởi kiện. Khi mua lại phần diện tích đất này có khoảng 12 - 13 trụ cây hồ tiêu và một số cây bơ trên đất. Giữa hai bên có thống nhất với nhau về giá là 78.120.000 đồng. Ông Vương đã giao tiền cho ông K1, bà L đầy đủ. Thời điểm sang nhượng giữa hai bên có làm giấy tờ viết tay, có ông K1 và bà L cùng ký xác nhận.

Sau khi mua đất được 01 tháng thì ông bắt đầu xây dựng tường bao quanh ở phần diện tích đất đã mua. Tường xây bằng gạch taplo cao 2,2m và từ khi mua xây công trình này cho đến nay không có tranh chấp gì với ai nhưng vẫn chưa tách thửa và sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay các bên tranh chấp đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xem xét giải

quyết cho ông V2 điều chỉnh, tách thửa đôi với phần diện tích đất mà ông V2 đã mua của ông K1, bà L.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2019/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 11 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 157, 161, 165, 203, 220, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 133, 408, 500, 501, 502 và 503 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 188 luật đất đai năm 2013; Điều 52 Luật công chứng;

Áp dụng khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Diệu H về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do Văn phòng Công chứng TN công chứng số 00003425 và số 00003428 ngày 16/4/2015 vô hiệu.

Không chấp nhận yêu cầu hủy nội dung thay đổi cơ sở pháp lý tại phần 4 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 084058 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 13/4/2015, được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện K cập nhật thay đổi quyền sở hữu cho ông Bùi Tuấn V1 ngày 22/4/2015.

Không chấp nhận yêu cầu hủy nội dung thay đổi cơ sở pháp lý tại phần 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 084056 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 13/4/2015, được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện K cập nhật thay đổi quyền sở hữu cho ông Lê Văn C ngày 22/4/2015.

Đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2019/QĐ-BPKCTT ngày 08/4/2019 kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật Tòa án ra quyết định hủy bỏ theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 138 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/8/2019, nguyên đơn bà Trần Thị Diệu H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, theo hướng sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu hủy hai Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 3425, quyền số 03/2015/TP-SCC/HĐGD ngày 16/4/2015 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 3428, quyền số 03/2015/TP-SCC/HĐGD ngày 16/4/2015, đồng thời hủy phần đăng ký biến động tại mục IV trong hai Giấy CNQSD đất số BN 084058 và BN 084056 chuyển nhượng cho ông Lê Văn C và ông Bùi Tuấn V1.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bổ sung nội dung đơn kháng cáo cho rằng thửa đất nguyên đơn khởi kiện đã được bên thứ ba đem thế chấp tại ngân hàng nhưng cấp sơ thẩm không đưa ngân hàng vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên đề nghị cấp phúc thẩm tuyên hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

**** Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H là Luật sư Lương Thanh V trình bày:***

Về nguồn gốc đất tranh chấp: Có nguồn gốc là của ông Trần N2 là ông nội của bà Trần Thị Diệu H cho nguyên đơn và các thành viên trong hộ gia đình vào năm 1992 nên bà H có quyền định đoạt đối với tài sản này. Ngày 16/4/2015, các thành viên trong hộ gia đình ông K1, bà L gồm ông Trần Đình K1, bà Nguyễn Thị L, bà Trần Thị Diệu H, ông Trần Mạnh H3 và ông Trần Thiện T2 thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 14478, tờ bản đồ 41 cho ông Lê Văn C và thửa đất số 14480, tờ bản đồ 41 cho ông Bùi Tuấn V1, các hợp đồng được Văn phòng Công chứng TN công chứng cùng ngày. Tuy nhiên, bà H xác định ngày 16/4/2015 bà H không thực hiện và không ký các hợp đồng chuyển nhượng nói trên. Chữ ký, chữ viết và dấu vân tay điểm chỉ trong hai Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do Văn phòng Công chứng TN công chứng vào ngày 16/4/2015 không phải do bà H ký và điểm chỉ. Như vậy, có sự gian dối trong khi thực hiện hợp đồng chuyển nhượng tại Văn phòng công chứng TN nên các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do Văn phòng Công chứng TN công chứng số 3425 và 3428 quyền số 03/2015/TP/CC-SCC/HĐCN ngày 16/4/2015 giữa bên chuyển nhượng là ông Trần Đình K1, bà Nguyễn Thị L, ông Trần Mạnh H3 và ông Trần Thiện T2 với bên nhận chuyển nhượng là ông Bùi Tuấn V1 đối với thửa đất 14480 và ông Lê Văn C đối với thửa đất số 14478 vô hiệu.

Thửa đất mà nguyên đơn khởi kiện đã được bên thứ ba thế chấp ngân hàng để vay tiền nhưng cấp sơ thẩm không đưa ngân hàng vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn tuyên hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

**** Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông K2 là Luật sư Vũ Trọng T6 trình bày:***

Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là vào năm 1993 ông Trần Đình K1 được Ủy ban nhân dân huyện A cấp quyền sử dụng đất cho cá nhân ông K1 không phải cấp cho hộ gia đình và tại thời điểm cấp đất bà H mới 5 tuổi, còn nhỏ chưa có công sức đóng góp gì. Tại phiên tòa bà L khai đất do ông nội là Trần N2 cho vào năm 1975 là không có căn cứ vì thời điểm này chưa sinh ra bà H. Mặc khác, Đối với thửa đất số 14480, tờ bản đồ số 41 sau khi các bên thực hiện hợp

đồng chuyển nhượng cho ông Bùi Tuấn V1 thì ngày 15/11/2017 ông V1 tiếp tục chuyển nhượng lại cho ông Tô Duy Q và ông Q lại tiếp tục chuyển nhượng cho ông Lê Trung K2 và ông Phan Tiến D1, ông Lê Trung K2 là người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hợp pháp, khi mua ông K2 biết đất không tranh chấp gì với ai nên mới mua. Sau khi mua đất ông K2 đã được người bán bàn giao tài sản, ông K2 cũng đã nhận tài sản và sử dụng. Khi ông K2 sử dụng và đưa máy móc vào sửa chữa nhà thì ông K2 đã bị bà L tranh chấp với ông K2. Ông K2 là người thứ ba mua tài sản. Do đó, căn cứ vào khoản 2 và khoản 3 Điều 133 Bộ luật dân sự thì ông K2 là người thứ ba mua tài sản ngay tình nên cần phải được bảo vệ quyền lợi của người thứ ba ngay tình nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị HĐXX bảo vệ quyền lợi cho ông K2 và hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2019/QĐ-BPKCTT ngày 08/4/2019 để ông K2 thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đánh giá các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Diệu H - Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2019/DS-ST ngày 22/8/2019, của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Diệu H nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Diệu H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hộ gia đình ông Trần Đình K1 và bà Nguyễn Thị L với ông Lê Văn C và ông Bùi Tuấn V1:

Ngày 16/4/2015, các thành viên trong hộ gia đình ông K1, bà L gồm ông Trần Đình K1, bà Nguyễn Thị L, bà Trần Thị Diệu H, ông Trần Mạnh H3 và ông

Trần Thiện T2 thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 14478, tờ bản đồ 41 cho ông Lê Văn C và thửa đất số 14480, tờ bản đồ 41 cho ông Bùi Tuấn V1, các hợp đồng được Văn phòng Công chứng TN công chứng cùng ngày. Tuy nhiên, bà H xác định ngày 16/4/2015 bà H không thực hiện và không ký các hợp đồng chuyển nhượng nói trên. Chữ ký, chữ viết và dấu vân tay điểm chỉ trong hai hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do Văn phòng Công chứng TN công chứng vào ngày 16/4/2015 không phải do bà H thực hiện. Bị đơn bà Nguyễn Thị L cũng thừa nhận người ký và điểm chỉ thay cho bà Trần Thị Diệu H trong hai hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 00003425 và số 00003428 ngày 16/4/2015 tại Văn phòng Công chứng TN là bà Đặng Thị N cháu của bà L ký và điểm chỉ. Quá trình tham gia tố tụng bà N cũng thừa nhận sự việc này. Tại bản kết luận giám định số 50/PC09 ngày 15/5/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Trần Thị Diệu H và dấu vân tay trong 02 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên không phải của bà H, mà do bà Đặng Thị N ký viết và điểm chỉ.

Như vậy, bà Đặng Thị N không được sự đồng ý hay ủy quyền bằng văn bản của bà H về việc ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà H mà bà N vẫn giả mạo bà H để thực hiện là có sự lừa dối. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định căn cứ các Điều 122, 127, 408 Bộ luật dân sự, xác định hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 00003425 và số 00003428 ngày 16/4/2015 do Văn phòng công chứng TN công chứng là vô hiệu một phần (phần của bà H) là có căn cứ.

Tuy nhiên, xét về nguồn gốc đất thì thửa đất số 14478, tờ bản đồ 41 do gia đình bà L sang nhượng cho ông Lê Văn C và thửa đất số 14480, tờ bản đồ 41 sang nhượng cho ông Bùi Tuấn V1 có nguồn gốc được tách ra từ thửa đất số 14164 do UBND huyện A cấp cho ông Trần Đình K1 vào ngày 18/3/1993. Như vậy, tại thời điểm cấp quyền sử dụng đất thì bà Trần Thị Diệu H, sinh năm 1988, mới 5 tuổi còn nhỏ chưa có công sức đóng góp gì và Giấy CNQSD đất cấp cho cá nhân ông Trần Đình K1 không phải cấp cho hộ gia đình. Tại phiên tòa phúc thẩm bà L khai nhận nguồn gốc đất là do ông nội là Trần N2 cho bà H và các thành viên trong gia đình vào năm 1975 là không có căn cứ vì thời điểm này bà L chưa kết hôn với ông K1 và chị H chưa được sinh ra. Mặt khác, đối với thửa đất số 14478, tờ bản đồ số 41 sau khi các bên thực hiện hợp đồng chuyển nhượng cho ông Lê Văn C, ngày 13/11/2018 ông C tiếp tục chuyển nhượng lại cho ông Phan Tiến D1 theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do Văn phòng công chứng ĐXB công chứng số 09249 ngày 13/11/2018 và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 165064 ngày 28/11/2018 đứng tên ông Phan Tiến D1. Đối với thửa đất số 14480, tờ bản đồ số 41 sau khi các bên thực hiện hợp đồng chuyển nhượng cho ông Bùi Tuấn V1 thì

ngày 15/11/2017 ông V1 tiếp tục chuyển nhượng cho ông Tô Duy Q và ông Q lại tiếp tục chuyển nhượng cho ông Lê Trung K2 và ông Phan Tiến D1 theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do Văn phòng công chứng ĐA công chứng số 017281 ngày 14/12/2018 và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 151641 ngày 07/01/2019 đứng tên ông Lê Trung K2 và ông Phan Tiến D1. Xét giao dịch dân sự giữa ông C với ông D1 và giữa ông Q với ông K2 cùng ông D1 được xác lập, thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định. Do đó, căn cứ vào khoản 2 và khoản 3 Điều 133 Bộ luật dân sự thì ông K2 và ông D1 là người thứ ba mua tài sản nên cần phải được bảo vệ quyền lợi của người thứ ba ngay tình nên cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án ông Phan Tiến D1 và ông Lê Trung K2 xác định: Thửa đất số 14480, tờ bản đồ số 41, diện tích 394m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP151641 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 07/01/2019 cấp cho ông Phan Tiến D1 và ông Lê Trung K2. Hiện ông D1 và ông K2 đang thế chấp tại ngân hàng HD Bank - Phòng giao dịch K - Đắk Lắk để vay tiền nhưng cấp sơ thẩm không đưa Ngân hàng HD Bank - Phòng giao dịch K vào tham gia tố tụng là thiếu sót. Tuy nhiên, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ nên việc không đưa ngân hàng vào tham gia tố tụng cũng không làm ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án nên không cần thiết phải hủy bản án nhưng cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của bà Trần Thị Diệu H là không có căn cứ để chấp nhận và cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

[2.3] Đối với kháng cáo của ông Vũ Đình V2: Do kháng cáo của ông Vũ Đình V2 đã quá hạn luật định nhưng cấp sơ thẩm cho ông V2 nộp tiền tạm ứng án phí và ra thông báo kháng cáo là sai sót. Tuy nhiên, kháng cáo quá hạn của ông V2 không có lý do chính đáng nên Tòa án không chấp nhận kháng cáo quá hạn của ông V2 theo Quyết định không chấp nhận việc kháng cáo quá hạn số 45/2019/QĐ-PT ngày 17/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Do không chấp nhận kháng cáo quá hạn của ông V2 nên cần trả lại cho ông V2 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông V2 đã nộp theo biên lai số 0014765, ngày 17/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K là phù hợp.

[2.4] Đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2019/QĐ-BPKCTT ngày 08/4/2019 thì kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật Tòa án ra quyết định hủy bỏ theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 138 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Trần Thị Diệu H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Diệu H – Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2019/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Áp dụng khoản 11 Điều 26, khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 157, 161, 165, 203, 220, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các điều 133, 408, 500, 501, 502 và 503 Bộ luật dân sự; Điều 188 Luật đất đai năm 2013; Điều 52 Luật công chứng.

Áp dụng khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Diệu H về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do Văn phòng Công chứng TN công chứng số 00003425 và số 00003428 ngày 16/4/2015 vô hiệu.

Không chấp nhận yêu cầu hủy nội dung thay đổi cơ sở pháp lý tại phần 4 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 084058 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 13/4/2015, được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện K cập nhật thay đổi quyền sở hữu cho ông Bùi Tuấn V1 ngày 22/4/2015.

Không chấp nhận yêu cầu hủy nội dung thay đổi cơ sở pháp lý tại phần 4 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 084056 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 13/4/2015, được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện K cập nhật thay đổi quyền sở hữu cho ông Lê Văn C ngày 22/4/2015.

Đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2019/QĐ-BPKCTT ngày 08/4/2019 kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật Tòa án ra quyết định hủy bỏ theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 138 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về chi phí tố tụng khác:

[3.1] Bà Trần Thị Diệu H phải chịu 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, được khấu trừ 3.000.000 đồng đã nộp theo phiếu thu số 01 ngày 05/3/2019 tại Tòa án và đã chi.

[3.2] Buộc Văn phòng Công chứng TN có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Trần Thị Diệu H 5.800.000 đồng (*năm triệu tám trăm*) tiền giám định.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Diệu H phải chịu 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn) tiền án phí DSST, được khấu trừ 1.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0014551 ngày 05 tháng 3 năm 2019, biên lai thu số AA/2017/0014552 ngày 05 tháng 3 năm 2019; biên lai thu số AA/2017/0007322 ngày 17 tháng 01 năm 2019 và biên lai thu số AA/2017/0007319 ngày 17 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Diệu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0014706 ngày 11/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

[4.3] Hoàn trả cho ông Vũ Đình V2 số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2017/0014765 ngày 17/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư Kuin;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- CCTHADS huyện K;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hằng